

**CÔNG TY TNHH ĐỒNG HỒ GỖ MINH LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐỒNG HỒ GỖ MINH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH LONG WOOD WATCH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109772068

**3. Ngày thành lập:** 11/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đông, Xã Đông Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0328 882 777

Fax:

Email: [t.nguyenminhtuan1818@gmail.com](mailto:t.nguyenminhtuan1818@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1610        |
| 2.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1622        |
| 3.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1623        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rá và vật liệu tết bện<br>Chi tiết<br>- Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ; Tranh khắc bằng gỗ<br>- Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ; Hộp đựng đồng hồ bằng gỗ<br>- Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự; Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ,<br>-Hộp, nắp nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ<br>- Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, song, mây, rom, rá, cói đay và vật liệu tết bện, hàng gốm sứ thủ công mỹ nghệ, sơn mài.<br>- Sản xuất đồ lưu niệm như tranh, gạt tàn thuốc, hoa... làm bằng tre.<br>- Sản xuất gia công, chế biến các mặt hàng nông sản, lâm sản | 1629(Chính) |
| 5.  | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2652        |
| 6.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3100        |
| 7.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý mua bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 8.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ hàng hóa nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                | 4620                                                                |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết<br>- Bán buôn tre, nứa, song, mây, gỗ cây và gỗ chế biến                                                                                                                                                                                                                      | 4663                                                                |
| 10. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm bằng sơn mài, trạm khắc: Tranh sơn mài, tranh khảm trai, hàng lưu niệm khác bằng sơn mài, khảm trai ..v...v..<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                        | 4773                                                                |
| 11. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm bằng sơn mài, chạm khắc: tranh sơn mài, tranh khảm trai, hàng lưu niệm khác bằng sơn mài, khảm trai.<br>- Bán lẻ hàng đan lát bằng tre, song mây, vật liệu tết bện khác.<br>- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ khác: hàng lưu niệm bằng gỗ, sừng, đồi mồi, san hô... | 4789                                                                |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận chuyển khí, hóa lỏng)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933                                                                |
| 13. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210                                                                |
| 14. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5224                                                                |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710                                                                |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                | 8299                                                                |
| 17. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                       | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN MINH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/09/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001071002533

Ngày cấp: 29/10/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Đông, Xã Đông Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đông, Xã Đông Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội